

Số: 74 /KH-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

V/v nâng bậc lương thường xuyên và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung cho viên chức và người lao động quý 1 - năm 2023 (kể từ 01/1-31/03/2023)

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ các Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BNV, ngày 31/7/2013 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội Vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 26/7/2022 về việc ban hành Quy chế nâng lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện v/v xét nâng bậc lương thường xuyên và xét hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo quý 1 - năm 2023 cho viên chức và người lao động trong cơ quan như sau:

I. CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN:

1. Phạm vi và đối tượng:

- Viên chức trong cơ quan xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng không áp dụng:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư 08/2013/TT-BNV.

II. CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN:

1. Điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh:

a) Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên:

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 03 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương;

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống: nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

b) Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

c) Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

- Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự).

- Thời gian viên chức và người lao động đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

- Thời gian thử thách đối với viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

- Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;

- Thời gian đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Điểm này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo

quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

2. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Viên chức và người lao động có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên.

Đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

- Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- Tiêu chuẩn 2: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

3. Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên:

- Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng, nếu viên chức và người lao động đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền là không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định như sau:

a) Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp:

- Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.

b) Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp:

- Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo;

- Viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc có 02 năm không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 tháng.

c) Kéo dài 03 tháng đối với viên chức bị kỷ luật khiển trách.

d) Trường hợp vừa bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài được quy định.

đ) Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng được.

e) Trường hợp viên chức và người lao động là đảng viên bị kỷ luật Đảng: nếu đã có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật hành chính; nếu không có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương

thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật Đảng tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật hành chính được quy định”

4. Trường hợp đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là oan, sai sau khi bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam, bị kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức) thì thời gian này được tính lại các chế độ về nâng bậc lương thường xuyên như sau:

a) Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam do oan, sai được tính lại vào thời gian để xét nâng bậc lương;

b) Không thực hiện kéo dài thời gian xét nâng bậc lương đối với các hình thức kỷ luật do oan, sai;

c) Được truy lĩnh tiền lương, truy nộp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả phần bảo hiểm xã hội do cơ quan, đơn vị đóng) theo các bậc lương đã được tính lại.

III. CHẾ ĐỘ HƯỞNG THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG.

Áp dụng cho tất cả viên chức và người lao động đã hết khung bậc lương thường xuyên trong bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ theo quy định, nếu có đủ thời gian và điều kiện, tiêu chuẩn quy định như viên chức và người lao động được xét nâng bậc lương thường xuyên thì được xét hưởng chế độ thâm niên vượt khung như sau:

- Lần đầu được hưởng 5%, từ năm sau trở đi nếu đủ thời gian là 12 tháng và đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xét hưởng cứ mỗi năm được cộng thêm 1%.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. **Phòng TCCB&TT:** Niêm yết danh sách VC, NLD đến thời hạn tăng lương thường xuyên và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung quý 1 năm 2023.

2. **Đối với cá nhân:** Thuộc diện có đủ thời gian, điều kiện, tiêu chuẩn quy định v/v nâng bậc lương thường xuyên, hưởng vượt khung phải viết đơn (theo mẫu), khai thật đầy đủ, chính xác, trung thực tất cả nội dung trong đơn để kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ phòng TCCB&TT quản lý; phản ánh kịp thời với phòng TCCB&TT nếu trong danh sách niêm yết không có tên mình để phòng rà soát, giải quyết kịp thời.

3. Đối với các đơn vị:

- Tổ chức họp phổ biến thông báo tới toàn thể viên chức và người lao động về hướng dẫn nâng bậc lương quý 1 - năm 2023 của Trường đã gửi các đơn vị.

- Đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn để họp xét cho viên chức và người lao động của đơn vị mình với 2 diện đề nghị nâng bậc lương (nếu có) như sau:

2.1. Diện nâng bậc lương thường xuyên.

2.2. Diện hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung.

- Ghi biên bản tổng hợp kết quả cuộc họp xét đề nghị nâng bậc lương của đơn vị.

4. Thời gian triển khai:

4.1. Các đơn vị: Tổ chức họp triển khai từ ngày 01 - 07/3/2023. Chậm nhất 14h00 ngày 07/3/2023 nộp toàn bộ Hồ sơ xét nâng lương về phòng TCCB&TT để tổng hợp, gồm:

- Biên bản kết quả họp xét đề nghị nâng bậc lương của đơn vị;
- Đơn đề nghị nâng bậc lương của cá nhân.

4.2. Hợp Hội đồng xét nâng bậc lương của Trường:

Dự kiến từ ngày 10/3/2023

4.3. Niêm yết thông báo kết quả xét nâng bậc lương cho viên chức và người lao động và nhận đơn đề nghị (nếu có).

Dự kiến từ ngày: 13- 17/3/2023.

4.4. Hoàn tất hồ sơ trình Hiệu trưởng ký quyết định.

Dự kiến từ ngày 20- 24/3/2023.

Đề nghị các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch. Nếu không tổ chức họp triển khai, hoặc báo cáo chậm làm ảnh hưởng đến chế độ, quyền lợi của viên chức và người lao động phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trong quá trình triển khai có gì chưa rõ gặp phòng TCCB&TT để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, BGH (để b/c);
- Chủ tịch CĐ Trường (để phối hợp);
- Niêm yết tại bảng tin;
- Các đơn vị (để t/h);
- Lưu: VT, TCCB&TT.



PGS.TS Nguyễn Duy Quyết

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG THUỒNG XUYỀN VÀ
HƯỞNG PHỤ CÁP THÂM NIÊN NIÊN VƯỢT KHUNG QUÝ I - NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 71/KH-ĐHSPTDTHN ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPTDTHN Hà Nội)

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả phân loại đánh giá viên chức, người lao				
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp	Thời gian được tính hưởng	2019-2020	2010-2021	2021-2022	
I	DIỆN 3 NĂM - VIÊN CHỨC												
1	Nguyễn Duy Quyết	1972		PGS.TS	V.07.01.01	1	6.20	0.36	2/2020	HTXSNV	HTXSNV	HTXSNV	
2	Bùi Quang Hải	1959		PGS.TS	V.07.01.01	1	6.20	0.36	25/2/2020	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
3	Lê Huy Hoàng	1982		Th.s	V.07.01.03	6	3.66	0.33	02/2020	HTXSNV	HTTNV	HTTNV	
4	Ngô Bằng Giang	1981		Th.s	V.07.01.03	4	3.33	0.33	01/2020	HTNV	HTTNV	HTNV	
5	Hồ Thị Thu Hiền		1978	Th.s	V.07.01.02	1	4.40	0.34	02/2020	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
6	Ngô Thanh Huyền		1979	Th.s	V.07.01.02	1	4.40	0.34	02/2020	HTTNV	HTXSNV	HTTNV	
7	Đặng Hùng Linh	1981		Th.s	V.07.01.02	1	4.40	0.34	02/2020	HTTNV	HTNV	HTNV	
8	Trần Ngọc Minh	1983		Th.s	V.07.01.02	1	4.40	0.34	02/2020	HTTNV	HTNV	HTNV	
9	Phạm Văn Quý	1981		Th.s	V.07.01.02	1	4.40	0.34	02/2020	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
10	Phạm Ngọc Tú	1982		Th.s	V.07.01.02	1	4.40	0.34	02/2020	HTTNV	HTXSNV	HTNV	
11	Nguyễn Thị Liên		1982	Th.s	V.07.01.03	3	3.00	0.33	01/2020	HTXSNV	HTTNV	HTXSNV	
12	Phạm Ngọc Minh		1990	ĐH	06.031	3	3.00	0.33	01/2020	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
13	Hoàng Thị Châu		1978	ĐH	V.07.01.03	3	3.00	0.33	01/2019	HTNV	HTTNV	HTNV	
14	Cao Hoài Anh	1992		Th.s	V.07.01.03	1	2.34	0.33	02/2020	HTTNV	HTTNV	HTNV	
II	DIỆN 2 NĂM - VIÊN CHỨC												
15	Nguyễn Thị Hiền (ĐBCL&TT)		1987	ĐH	01.004	6	2.86	0.2	01/2021	HTTNV	HTXSNV	HTXSNV	
16	Kiều Thị Mùi		1979	Tr.c	V.08.03.07	8	3.26	0.2	01/2021	HTTNV	HTTNV	HTTNV	

Danh sách này có: 16 người

